

Hợp tác quốc tế của Việt Nam trong công tác lưu trữ giai đoạn 1958-1990

Lê Tuyết Mai^(*)

Tóm tắt: Công tác lưu trữ đã được Nhà nước Việt Nam quan tâm ngay từ những ngày đầu thành lập. Trong bối cảnh Chiến tranh Lạnh, trước những thách thức đối với an ninh quốc gia và những khó khăn xuất phát từ trình độ lưu trữ còn hạn chế, Việt Nam đã sớm nhận thức được tầm quan trọng và đặt ra nhu cầu hợp tác quốc tế về lưu trữ, vừa để xây dựng ngành lưu trữ trong nước, vừa nhằm thắt chặt thêm quan hệ đối ngoại với các nước xã hội chủ nghĩa (XHCN) khác. Thông qua các hoạt động hợp tác đa dạng từ song phương đến đa phương, Việt Nam xuất phát là nước được nhận hỗ trợ đặc biệt từ Liên Xô đã trở thành một quốc gia chủ động giúp đỡ các nước có nền lưu trữ kém phát triển hơn như Lào và Campuchia, đồng thời trở thành một thành viên tích cực tại các diễn đàn đa phương của các nước XHCN về lưu trữ.

Từ khóa: Hợp tác quốc tế, Lưu trữ, Hợp tác lưu trữ, Lưu trữ Việt Nam, Tài liệu lưu trữ

Abstract: Archives have been paid attention to since the early days of the Democratic Republic of Vietnam. During the Cold War, facing the challenges of national security and the difficulties due to limited archives capacity, Vietnam soon realized the importance of international cooperation in building capacity within the archival profession as well as strengthening foreign relations with other socialist countries. Initially a recipient of assistance from the Soviet Union, through various bilateral and multilateral cooperation activities, Vietnam has become a provider of assistance to some less developed countries in the region such as Laos and Cambodia, and an active member of several multilateral forums of socialist countries on archives.

Keywords: International Cooperation, Archival Cooperation, Vietnam's Archives, Archives

1. Đặt vấn đề

Công tác văn thư, lưu trữ đóng vai trò quan trọng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc của mỗi quốc gia. Ở Việt Nam,

công tác lưu trữ đã nhận được sự quan tâm đặc biệt của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh ngay sau khi Cách mạng tháng Tám thành công. Ngày 08/9/1945, Chính phủ lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã ban hành hai sắc lệnh quan trọng liên quan đến công tác lưu trữ và thư viện, trong đó có Sắc lệnh số 21 về việc bổ nhiệm Giám đốc

^(*) Nghiên cứu sinh, Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội;
Email: maiqth@gmail.com

Nha Lưu trữ công văn và Thư viện toàn quốc. Ngày 03/01/1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký Thông đạt số 1-C/VP về việc giữ gìn công văn tài liệu. Tuy nhiên, vai trò của Nha Lưu trữ công văn và Thư viện toàn quốc chưa được phát huy và hoạt động của cơ quan này đã sớm bị gián đoạn do điều kiện cả dân tộc phải tập trung toàn lực cho cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp cuối năm 1946. Công tác văn thư - lưu trữ vẫn rơi vào tình trạng lộn xộn và hiện tượng tùy tiện tiêu hủy hồ sơ, tài liệu xảy ra phổ biến ở các cơ quan công sở khiến nhiều giấy tờ quan trọng bị mất. Trước thực trạng này, ngoài việc chấn chỉnh công tác lưu trữ trong nước, Việt Nam còn mong muốn hợp tác với các nước có nền lưu trữ tiên tiến để xây dựng ngành lưu trữ trong nước. Năm 1958, hoạt động hợp tác quốc tế đầu tiên của lưu trữ Việt Nam là chuyến đi khảo sát và học tập kinh nghiệm lưu trữ của Trung Quốc. Sau khi Cục Lưu trữ Phủ Thủ tướng (nay là Cục Văn thư và Lưu trữ Nhà nước) - cơ quan quản lý nhà nước cao nhất về lưu trữ, được thành lập ngày 04/9/1962, hoạt động hợp tác quốc tế về lưu trữ của Việt Nam được triển khai thường xuyên và có kế hoạch hơn.

Trong Chiến tranh Lạnh, không xa rời quan điểm về đường lối đối ngoại của Đảng đề ra từ Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ IV và thứ V, ngành lưu trữ Việt Nam đã “hợp tác toàn diện với Liên Xô, với Lào và Campuchia, với các nước anh em XHCN khác” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 1982: 54). Theo đó, hình thức hợp tác bao gồm: (i) hợp tác song phương, chủ yếu với Liên Xô, Trung Quốc, Lào và Campuchia; và (ii) hợp tác đa phương với nhiều nước XHCN khác. Về nội dung hợp tác, do năng lực chuyên môn về lưu trữ của Việt Nam thời điểm này còn hạn chế nên nội dung

hợp tác chính là xây dựng năng lực về lưu trữ, tập trung vào các hoạt động: (i) trao đổi kinh nghiệm, nghiên cứu khoa học về lưu trữ; và (ii) đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ lưu trữ. Hoạt động hợp tác về lưu trữ của Việt Nam với các nước XHCN, trọng tâm là Liên Xô tập trung chủ yếu trong giai đoạn 1960-1990. Sau năm 1990, hợp tác song phương và đa phương về lưu trữ giữa Việt Nam với Liên Xô và các nước XHCN Đông Âu gần như bị đình trệ do các nước này lâm vào khủng hoảng chính trị.

2. Các hoạt động hợp tác song phương, đa phương trong xây dựng và phát triển ngành lưu trữ Việt Nam

a) Hợp tác Việt Nam - Liên Xô

Trong thời kỳ Chiến tranh Lạnh, Liên Xô là quốc gia XHCN phát triển và có nhiều ảnh hưởng nhất. Mỗi quan hệ hợp tác song phương về lưu trữ giữa Việt Nam và Liên Xô được thúc đẩy với nhiều hoạt động tương đối đa dạng, từ trao đổi kinh nghiệm, khảo sát đến đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lưu trữ.

Một trong những nội dung hợp tác về lưu trữ đầu tiên giữa Việt Nam và Liên Xô là tổ chức các hoạt động trao đổi kinh nghiệm, khảo sát ở cả hai nước. Năm 1959, khi Việt Nam đang trong giai đoạn gấp rút chuẩn bị các điều kiện để thành lập Cục Lưu trữ Phủ Thủ tướng, Liên Xô đã cử chuyên gia lưu trữ Emilin sang làm việc tại Việt Nam với mục đích giúp đỡ xây dựng ngành lưu trữ. Trong khoảng thời gian từ tháng 5/1959-5/1961, chuyên gia Emilin đã giúp Việt Nam xây dựng tổ chức công tác lưu trữ Đảng và Chính phủ; soạn dự thảo về chế độ công tác văn thư - lưu trữ và huấn luyện chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ văn thư - lưu trữ. Năm 1963, Viện phó Viện Lưu trữ Nhà nước Trung ương Hồng quân Liên Xô I.N. Kuntikov đã sang

Việt Nam để hỗ trợ Cục Lưu trữ Phủ Thủ tướng về công tác lưu trữ. Trong khoảng thời gian 1 tháng làm việc tại Việt Nam, chuyên gia Kuntikov đã giúp “xây dựng và giới thiệu cho Cục 7 bản điều lệ rất công phu, có bản dày 170 trang gồm gần 2.000 điều và một số chế độ công tác” (Cục Lưu trữ Phủ Thủ tướng, 1963). Từ năm 1976-1977, Liên Xô cũng cử thêm 2 đoàn chuyên gia sang Việt Nam giảng dạy, trao đổi kinh nghiệm về bảo quản, khôi phục và tu bổ tài liệu lưu trữ¹. Thông qua quá trình giảng dạy và hướng dẫn của các chuyên gia Liên Xô, cán bộ lưu trữ Việt Nam không chỉ nâng cao ý thức về việc bảo vệ an toàn tài liệu mà còn có thể tiến hành phục hồi tài liệu rách và tách tài liệu bị bết dính, thực hành các biện pháp chống nấm mốc và côn trùng phá hoại tài liệu giấy và bảo quản tài liệu phim ảnh.

Ngoài việc mời các đoàn chuyên gia Liên Xô sang Việt Nam hỗ trợ về công tác lưu trữ, Việt Nam cũng đã cử 2 đoàn cán bộ lưu trữ đi khảo sát, làm việc tại Liên Xô và CHDC Đức năm 1971, tại Liên Xô năm 1982. Chuyến khảo sát đầu tiên của đoàn cán bộ lưu trữ Việt Nam sang Liên Xô và CHDC Đức năm 1971 nhằm mục đích học tập về phương pháp tổ chức, nghiệp vụ trong công tác quản lý và chỉ đạo tập trung, thống nhất công tác lưu trữ, đồng thời “chuẩn bị cơ sở nề nếp cho việc tăng cường trao đổi kinh nghiệm, tư liệu tham khảo về công tác này, gửi thực tập sinh, nghiên cứu sinh và các mặt trao đổi nghiệp vụ khác” (Cục Lưu trữ Phủ Thủ tướng, 1972). Chuyến khảo sát tại Liên Xô năm 1982 là nhằm trao đổi,

học tập kinh nghiệm tổ chức Hội nghị các nhà lãnh đạo các cơ quan lưu trữ các nước XHCN. Tiếp đó có các chuyến khảo sát phục vụ các đề tài “Nghiên cứu xây dựng danh mục đầy đủ và tiêu chuẩn nghiệp vụ viên chức ngành lưu trữ” năm 1987 và “Cơ sở lý luận và thực tiễn về tổ chức mạng lưới các kho lưu trữ ở Việt Nam” năm 1989.

Ngoài ra, Liên Xô cũng hợp tác với Việt Nam trong việc đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ lưu trữ. Cùng với bộ máy tổ chức, nhân lực chính là một trong những nhân tố then chốt quyết định hiệu quả hoạt động của ngành lưu trữ. Nhận thức rõ được tầm quan trọng của công tác cán bộ, ngay sau khi Cục Lưu trữ Phủ Thủ tướng được thành lập năm 1962, với sự trợ giúp của Liên Xô, ngành lưu trữ Việt Nam “đã chọn một số cán bộ và học sinh đề nghị Chính phủ cho đi học ở Trường Đại học Lưu trữ - Lịch sử quốc gia Moscow, với mục đích số này sau về sẽ là cán bộ nòng cốt của Cục Lưu trữ, là cán bộ giảng dạy ở trường đại học, trung cấp lưu trữ trong nước” (Cục Lưu trữ Phủ Thủ tướng, 1982). Đến năm 1966, 6 sinh viên đầu tiên tốt nghiệp ngành lưu trữ tại Liên Xô đã được Phủ Thủ tướng phân công về làm việc tại Văn phòng Trung ương Đảng và Cục Lưu trữ². Từ năm 1967-1971, Việt Nam đã xây dựng được một hệ thống đào tạo cán bộ lưu trữ từ bậc trung cấp đến đại học. Mặc dù vậy, ngành lưu trữ Việt Nam vẫn hợp tác với Liên Xô và các nước XHCN khác

¹ Đoàn 1 gồm hai chuyên gia, làm việc từ ngày 16-23/10/1976 về bảo quản tài liệu; Đoàn 2 làm việc từ ngày 30/11-15/12/1977 về chống nấm mốc, côn trùng phá hoại tài liệu giấy và bảo quản phim ảnh.

² Xem thêm: Phòng Phủ Thủ tướng, Mục lục 1, Hồ sơ 1665, tờ số 69. 6 sinh viên đầu tiên được phân công về Ủy ban kế hoạch nhà nước (1 người), Bộ Văn hóa (1 người) và Cục Lưu trữ (4 người). Sau khi nắm bắt được nhu cầu của Văn phòng Trung ương Đảng, Phủ Thủ tướng đã phân phối lại về Văn phòng Trung ương Đảng 3 người và Cục Lưu trữ 3 người.

trong việc đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhân lực lưu trữ có trình độ cao từ bậc đại học trở lên thông qua các hiệp định hợp tác văn hóa - khoa học. Theo những hiệp định đã được ký kết, hằng năm Việt Nam đều có cán bộ, học sinh được gửi đi học ở Trường Đại học Lưu trữ - Lịch sử quốc gia Moscow, Liên Xô và một số nước khác như Đức, Tiệp Khắc, Hungary, Bulgaria... Trong giai đoạn 1962-1982, Việt Nam đã có 207 cán bộ được đào tạo về công tác lưu trữ ở Bulgaria, Hungary, CHDC Đức và nhiều nhất là ở Liên Xô¹.

Bên cạnh việc hợp tác đào tạo cán bộ, Liên Xô còn hỗ trợ Việt Nam trong việc bồi dưỡng chuyên môn cho đội ngũ cán bộ đang làm công tác lưu trữ thông qua việc tiếp nhận thực tập sinh Việt Nam đến Liên Xô và cử chuyên gia Liên Xô sang giảng dạy, trao đổi khoa học tại Việt Nam. Từ năm 1976-1985, có 2 đoàn cán bộ của Việt Nam sang Liên Xô thực tập về công tác lưu trữ. Đoàn 4 thực tập sinh đầu tiên của Việt Nam sang Liên Xô trong vòng 6 tháng từ tháng 9/1976, thực tập về bảo quản, tu bổ, phục chế tài liệu, phim ảnh và kỹ thuật microfilm. Năm 1985, Liên Xô đã tiếp nhận và giúp đỡ thêm 3 cán bộ lưu trữ Việt Nam thực tập trong vòng 3 tháng về phương pháp lựa chọn và bổ sung tài liệu vào các kho lưu trữ của nhà nước theo chương trình hợp tác khoa học - kỹ thuật giữa hai quốc gia². Nhờ đó, cán bộ lưu trữ Việt Nam có điều kiện bổ sung và nâng cao

kiến thức chuyên môn, phục vụ tốt hơn cho công việc. Bên cạnh đó, năm 1990, đoàn 3 cán bộ của Trường Đại học Lưu trữ - Lịch sử quốc gia Moscow do Giáo sư B.S. Iliazov làm trưởng đoàn sang thăm và làm việc tại Việt Nam cũng đã tham gia giảng dạy, tổ chức tọa đàm với một số bộ và cơ quan trung ương, cơ sở đào tạo về lưu trữ của Việt Nam. Chuyến thăm đã góp phần tăng cường quan hệ hợp tác hữu nghị của ngành lưu trữ hai nước nói riêng, Việt Nam và Liên Xô nói chung.

Có thể thấy, trong những năm 1960-1990, nhờ hợp tác với các cơ quan lưu trữ Liên Xô và một số nước XHCN, ngành lưu trữ Việt Nam đã học tập được nhiều kinh nghiệm về tổ chức quản lý công tác lưu trữ và đào tạo, bồi dưỡng được đội ngũ cán bộ lưu trữ có trình độ cao để xây dựng và phát triển công tác lưu trữ trong nước.

b) Hợp tác Việt Nam - Trung Quốc

Hoạt động hợp tác quốc tế đầu tiên về lưu trữ kể từ sau khi nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời chính là chuyến đi nghiên cứu, khảo sát tại Trung Quốc năm 1958 của đoàn 5 cán bộ thuộc Văn phòng Trung ương Đảng, Văn phòng Phủ Thủ tướng. Mục đích của chuyến đi là học tập kinh nghiệm của ngành lưu trữ Trung Quốc để chấn chỉnh công tác lưu trữ còn nhiều bất cập trong nước và chuẩn bị các điều kiện cần thiết để tiến hành thành lập Cục Lưu trữ Nhà nước. Sau 3 tháng công tác tại Trung Quốc, đoàn cán bộ Việt Nam đã học hỏi được những kiến thức thực tế về tổ chức, quản lý nhà nước trong công tác văn thư - lưu trữ tại các cơ quan đảng và nhà nước ở Trung Quốc và lĩnh hội được một nguyên tắc quan trọng trong quản lý tài liệu lưu trữ, công tác lưu trữ là “nguyên tắc tập trung thống nhất” (Vũ Dương Hoan, 2001: 143). Những kinh nghiệm đoàn thu

¹ Các số liệu này được tổng hợp từ nguồn: Hồ sơ 535, Phòng Cục Lưu trữ Nhà nước (1962-1982), tờ số 57; Vũ Dương Hoan (1987: 5).

² Các số liệu này được tổng hợp từ: Hồ sơ 10504 (tờ số 72-74) và Hồ sơ số 13228 (tờ số 6-7), Mục lục 3, Phòng Phủ Thủ tướng (1954-1985); Hồ sơ 275 (Tờ số 13-19), Phòng Cục Văn thư và Lưu trữ nhà nước (1984-2003), Trung tâm Lưu trữ Quốc gia III.

nhận được sau chuyến đi này được đánh giá “đã giúp nhiều cho việc xây dựng tổ chức ngành lưu trữ Việt Nam” (Đào An Thái, 1982: 2).

Các chuyên gia Trung Quốc không chỉ giúp Việt Nam trong thời gian đầu xây dựng ngành lưu trữ, mà còn hỗ trợ trong vấn đề bảo quản tài liệu lưu trữ. Năm 1967, trước yêu cầu phải bảo vệ an toàn tài liệu tại khu vực sơ tán, Cục Lưu trữ Phủ Thủ tướng đã mua hai hệ thống điều hòa thông gió của Trung Quốc. Trong thời gian này, Trung Quốc đã cử 2 chuyên gia sang giúp Việt Nam xây dựng hệ thống điều hòa thông gió tại khu sơ tán Kho Lưu trữ Trung ương. Từ cuối tháng 6 đến đầu tháng 11/1967, 2 chuyên gia đã lắp ráp và hướng dẫn cán bộ Việt Nam sử dụng, vận hành, nhận biết nguyên nhân những sự cố có thể xảy ra và cách khắc phục các sự cố đơn giản đối với hệ thống máy móc này¹.

Như vậy, hoạt động hợp tác về lưu trữ giữa Việt Nam và Trung Quốc tập trung chủ yếu vào những năm 1950-1960, tuy không diễn ra thường xuyên nhưng đã phần nào giúp ngành lưu trữ Việt Nam vượt qua những khó khăn, trở ngại để xây dựng và phát triển.

c) Các hoạt động hợp tác đa phương

Bên cạnh hợp tác song phương với các nước nêu trên, từ năm 1974, ngành lưu trữ Việt Nam đã tham gia vào các cơ chế hợp tác đa phương với lưu trữ các nước XHCN qua hình thức tham dự các hội nghị lưu trữ và các chương trình nghiên cứu khoa học tập thể.

Một trong những hình thức hợp tác về khoa học quan trọng của các nước XHCN trong lĩnh vực lưu trữ là tham dự *Hội nghị*

*những người lãnh đạo các cơ quan lưu trữ các nước XHCN*².

Năm 1974, ngành lưu trữ Việt Nam lần đầu tiên cử đại biểu tham dự Hội nghị lần thứ IV tại Paraha (Tiệp Khắc) và Việt Nam đã trở thành thành viên chính thức. Từ sau thời gian này, ngành lưu trữ Việt Nam đều đặn cử cán bộ tham dự Hội nghị cùng với việc chuẩn bị báo cáo tham luận và hợp tác tích cực với cơ quan lưu trữ các nước trong việc thảo luận các nội dung thông tin có liên quan phục vụ cho các chuyên đề báo cáo tại Hội nghị.

Tại Hội nghị lần thứ VI (hợp tại Sofia, Bulgaria vào năm 1978 với sự tham dự của 9 nước thành viên gồm Liên Xô, Bulgaria, Hungary, CHDC Đức, Mông Cổ, Ba Lan, Romania, Tiệp Khắc và Việt Nam), đoàn đại biểu Việt Nam đã chuẩn bị 2 tham luận về các vấn đề: “Quản lý tập trung thống nhất công tác lưu trữ” và “Tài liệu lưu trữ và tổ chức bảo vệ tài liệu và đưa tài liệu ra phục vụ nghiên cứu khai thác đáp ứng nhu cầu trong kháng chiến chống Mỹ và khôi phục kinh tế sau chiến tranh, xây dựng chủ nghĩa xã hội”. Hai tham luận đã được đoàn đại biểu các nước tham dự Hội nghị đánh giá cao vì sự tích cực đóng góp kinh nghiệm của ngành lưu trữ Việt Nam. Bên cạnh đó, đoàn đại biểu Liên Xô đã đưa ra ý kiến về việc cần tăng cường hợp tác và tiếp tục giúp đỡ Việt Nam nhiều hơn để tạo ra sự tiến bộ đồng đều trong các nước XHCN về lĩnh vực lưu trữ.

Nhờ sự ủng hộ của các nước XHCN và sự hỗ trợ trực tiếp của Liên Xô, năm 1984, Việt Nam đã tổ chức Hội nghị lần thứ IX tại

¹ Xem: Hồ sơ 87 (1967), Phòng Cục Lưu trữ Nhà nước (1962-1982), Trung tâm Lưu trữ Quốc gia III.

² Hội nghị được tổ chức lần đầu tiên vào năm 1968 và là diễn đàn được tổ chức định kỳ 2 năm/lần để xem xét, trao đổi và giải quyết những vấn đề cấp thiết trong hoạt động của các cơ quan lưu trữ các nước XHCN.

thành phố Hồ Chí Minh với tư cách nước chủ nhà. Đây là hội nghị khoa học quốc tế đầu tiên được tổ chức tại Việt Nam - một nước XHCN thuộc Đông Nam Á. Hội nghị “mang ý nghĩa đặc biệt đối với việc phát triển nền lưu trữ XHCN và cũng là một vinh dự lớn nâng cao vị trí của lưu trữ Việt Nam không những trong các nước XHCN, mà cả đối với lưu trữ thế giới” (Cục Lưu trữ Nhà nước, 1984).

Ngoài ra, Việt Nam cũng tham dự và đóng góp ý kiến xây dựng nhiều hoạt động hợp tác nghiên cứu khoa học tập thể khác do các nước XHCN như Liên Xô, Ba Lan, Tiệp Khắc... chủ trì. Hoạt động hợp tác nghiên cứu khoa học chung đầu tiên về lưu trữ của các nước XHCN mà Việt Nam tham gia là xây dựng cuốn *Từ điển thuật ngữ lưu trữ hiện đại các nước XHCN* do Tổng cục Lưu trữ Liên Xô chủ trì. Bên cạnh đó còn có các chuyên đề nghiên cứu khác như: “Những nguyên tắc và tiêu chuẩn lựa chọn tài liệu khoa học - kỹ thuật để nhà nước bảo quản”, “Sự phát triển các nguyên tắc và phương pháp chung trong việc công bố tài liệu lịch sử (áp dụng cho tài liệu khoa học kỹ thuật và tài liệu chuyên môn)”.

Như vậy, xuất phát từ việc hợp tác song phương với Liên Xô, ngành lưu trữ Việt Nam đã có cơ hội tham gia các hoạt động hợp tác nghiên cứu khoa học, có điều kiện trao đổi, học hỏi và tiếp cận với nền khoa học lưu trữ tiên tiến của các nước XHCN trong giai đoạn 1960-1990.

3. Các hoạt động hợp tác song phương của Việt Nam trong hỗ trợ xây dựng và phát triển ngành lưu trữ Lào và Campuchia

Việt Nam, Lào và Campuchia là ba nước Đông Dương có mối quan hệ gắn bó chặt chẽ với nhau do hoàn cảnh lịch sử và địa lý. Qua nhiều thăng trầm của lịch sử, nhân dân ba nước Đông Dương đã kề vai

sát cánh chống kẻ thù chung, giành được nhiều thắng lợi to lớn, tạo nền tảng vững chắc cho mối quan hệ vững bền và không ngừng phát triển. Nhằm tiếp tục phát triển mối quan hệ hữu nghị, đoàn kết đặc biệt, hợp tác toàn diện, Việt Nam luôn hợp tác chặt chẽ với hai nước anh em trong nhiều lĩnh vực. Đối với lĩnh vực lưu trữ, nhận thức rõ vai trò và trách nhiệm của mình, ngành lưu trữ Việt Nam đã hết sức giúp đỡ Lào, Campuchia xây dựng và phát triển ngành lưu trữ thông qua hai lĩnh vực chính là trao đổi chuyên gia lưu trữ và đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ làm công tác lưu trữ.

Hoạt động trao đổi chuyên gia lưu trữ của Việt Nam với Lào diễn ra sớm hơn so với Campuchia. Từ tháng 4/1966 đến tháng 6/1971, Văn phòng Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam đã cử 1 cán bộ phụ trách lưu trữ sang công tác tại Lào. Trong thời gian công tác, chuyên gia Việt Nam đã huấn luyện cho nhiều cơ quan các cấp của Lào về nghiệp vụ văn thư, lưu trữ; tư vấn Thường vụ Trung ương Đảng Nhân dân Cách mạng Lào ban hành Chỉ thị về công tác văn thư, lưu trữ và tăng cường bảo vệ hồ sơ tài liệu; xây dựng kế hoạch hướng dẫn thi hành về chế độ đăng ký quản lý công văn, mẫu sổ sách, thể thức công văn, phương pháp lập và nộp lưu hồ sơ...¹.

Đối với Campuchia, trong chuyến thăm và làm việc lần đầu tiên với Cục Lưu trữ Nhà nước Việt Nam vào tháng 3/1984, cán bộ lưu trữ Văn phòng Hội đồng Bộ trưởng nước Cộng hòa Nhân dân Campuchia Yen Thon đã đề nghị Việt Nam giúp đỡ Campuchia trong giai đoạn đầu xây dựng

¹ Xem: Hồ sơ 90, Phòng Cục Lưu trữ Nhà nước (1962- 1982) và Hồ sơ 421 (tờ số 49), Phòng Cục Lưu trữ Nhà nước (1984-2002), Trung tâm Lưu trữ Quốc gia III.

công tác lưu trữ. Đáp ứng nguyện vọng đó, từ tháng 5/1985 đến cuối năm 1986, Cục Lưu trữ Nhà nước Việt Nam đã cử 3 đoàn chuyên gia sang khảo sát và hỗ trợ ngành lưu trữ Campuchia. Các đoàn này đã giúp ngành lưu trữ Campuchia xây dựng dự thảo các văn bản quy phạm liên quan đến tổ chức bộ máy và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Cục Lưu trữ thuộc Văn phòng Hội đồng Bộ trưởng Campuchia; các văn bản quy định, hướng dẫn về công tác văn thư - lưu trữ. Ngoài ra, trong đợt công tác Campuchia từ tháng 9/1985 đến tháng 02/1986, 1 chuyên gia của Cục Lưu trữ Nhà nước phụ trách Phân kho tài liệu trước Cách mạng tháng Tám ở Việt Nam đã giúp cán bộ lưu trữ Campuchia tiếp nhận bàn giao thành công khối tài liệu từ Bộ Văn hóa - Thông tin chuyển sang Cục Lưu trữ Nhà nước Campuchia; hỗ trợ tổ chức, sắp xếp, biên mục các phong tài liệu của Kho lưu trữ từ thời Pháp để lại và viết bản hướng dẫn chính lý khối tài liệu "Phủ Khâm sứ Campuchia"¹.

Hợp tác trong đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ cán bộ lưu trữ của Việt Nam với Lào và Campuchia bắt đầu diễn ra từ giữa những năm 70 của thế kỷ XX thông qua hình thức Campuchia và Lào gửi học viên sang học tập về lưu trữ tại Việt Nam từ bậc trung cấp đến đại học. Tuy nhiên, trong thời kỳ này, Việt Nam chủ yếu đào tạo nguồn cán bộ về lưu trữ cho Lào. Tính đến hết năm 1987, Việt Nam đã giúp Cục Lưu trữ Nhà nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào đào tạo được 26 học sinh trung học và 2 học sinh đại học lưu trữ, giúp Campuchia đào tạo được 1 cán bộ có trình độ đại học lưu

trữ (Vũ Dương Hoan, 1987: 6). Ngoài ra, từ năm 1986-1990, Việt Nam cũng đã tiếp nhận 2 đoàn thực tập sinh của Lào sang thực tập tại Cục Văn thư và Lưu trữ Nhà nước Việt Nam và một số cơ quan như Kho Lưu trữ trung ương Hà Nội, Phòng lưu trữ của một số ủy ban nhân dân tỉnh, huyện.

Tóm lại, sự hỗ trợ của ngành Lưu trữ Việt Nam đối với ngành lưu trữ Lào và Campuchia trong giai đoạn cuối những năm 1960 đến cuối những năm 1980 đã có đóng góp quan trọng trong việc xây dựng tổ chức, định hình được các nguyên tắc quản lý, chế độ nghiệp vụ và đào tạo đội ngũ cán bộ phục vụ ngành lưu trữ của hai nước này.

4. Kết luận

Từ thực tiễn hợp tác quốc tế về lưu trữ giữa Việt Nam và các nước trong thời kỳ Chiến tranh Lạnh nêu trên, có thể thấy một số điểm sau:

Thứ nhất, ngành lưu trữ Việt Nam đã sớm nắm bắt các cơ hội trao đổi và mở rộng quan hệ hợp tác với các nước XHCN ngay từ những ngày đầu tiên xây dựng ngành, trong đó đối tác chính là Liên Xô.

Thứ hai, vào thời kỳ này, Việt Nam đóng vai trò là nước nhận hỗ trợ trong mối quan hệ hợp tác về lưu trữ với các nền lưu trữ XHCN phát triển lâu đời và hiện đại hơn. Các nước này đã hỗ trợ, giúp đỡ về kinh nghiệm tổ chức, quản lý công tác lưu trữ và đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ cho Việt Nam. Nhờ những sự hỗ trợ này mà lưu trữ Việt Nam đã xác định được đúng hướng nguyên tắc quản lý tài liệu lưu trữ và công tác lưu trữ; xây dựng, đào tạo được đội ngũ cán bộ phục vụ cho ngành lưu trữ.

Thứ ba, không chỉ nhận sự giúp đỡ một chiều từ các nước XHCN có nền lưu trữ phát triển hơn, Việt Nam dù còn gặp nhiều khó khăn nhưng cũng đã tích cực hỗ trợ hai nước trong cùng khu vực Đông Dương có

¹ Xem thêm: Hồ sơ 416 và Hồ sơ 419, Phòng Cục Lưu trữ Nhà nước (1984-2002); Hồ sơ 275 (tờ số 13-19), Phòng Cục Văn thư và Lưu trữ nhà nước (1984-2003), Trung tâm Lưu trữ Quốc gia III.

trình độ phát triển lưu trữ thấp hơn là Lào và Campuchia từng bước xây dựng, hoàn thiện tổ chức bộ máy ngành lưu trữ và đội ngũ cán bộ lưu trữ. Hơn nữa, sau khi là thành viên chính thức của *Hội nghị những người lãnh đạo các cơ quan lưu trữ các nước XHCN*, Việt Nam còn hỗ trợ và giúp đỡ Lào, Campuchia có thể tham gia vào Hội nghị với tư cách là thành viên chính thức. Điều này thể hiện mối quan hệ gắn bó của ngành lưu trữ ba nước Đông Dương trong giai đoạn này.

Cuối cùng, Việt Nam đã tham gia ngày càng chủ động trong các hoạt động hợp tác đa phương về lưu trữ giữa các nước XHCN dù xuất phát điểm ban đầu chỉ là thành viên tham dự và chưa có nhiều ý kiến đóng góp. Chỉ trong một thời gian ngắn, lưu trữ Việt Nam đã trở thành thành viên với những ý kiến đóng góp tích cực. Đặc biệt năm 1984, Việt Nam tổ chức thành công *Hội nghị lần thứ IX những người lãnh đạo các cơ quan lưu trữ các nước XHCN* với tư cách là nước chủ nhà. Điều này đã góp phần nâng cao vị thế của ngành lưu trữ Việt Nam không chỉ trong khu vực Đông Nam Á mà còn ở phạm vi các nước XHCN trên thế giới trong giai đoạn 1960-1990 □

Tài liệu tham khảo

1. Cục Lưu trữ Phủ Thủ tướng (1963), “Tổng kết về kết quả trao đổi công tác lưu trữ với đồng chí I van Cun ti cấp”, *Hồ sơ 27*, Phòng Cục Lưu trữ Nhà nước (1962-1982), Trung tâm Lưu trữ quốc gia III, tờ số 117-120.
2. Cục Lưu trữ Phủ Thủ tướng (1972), “Báo cáo kết quả khảo sát công tác văn thư và công tác lưu trữ của Liên Xô và CHDC Đức”, *Hồ sơ 196*, Phòng Cục Lưu trữ Nhà nước (1962-1982), Trung tâm Lưu trữ quốc gia III, tờ số 27.
3. Cục Lưu trữ Phủ Thủ tướng (1978), “Báo cáo số 07-VP ngày 07/7/1978 về đoàn đại biểu Cục Lưu trữ đi dự Hội nghị lần thứ 6 những người lãnh đạo cơ quan quản lý lưu trữ các nước XHCN họp tại Xô-phia, Bungari từ ngày 22-31/5/1978”, *Hồ sơ 432*, Phòng Cục Văn thư và Lưu trữ Nhà nước (1984-2003), Trung tâm Lưu trữ quốc gia III, tờ số 57-59.
4. Cục Lưu trữ Phủ Thủ tướng (1982), “Báo cáo về công tác huấn luyện đào tạo cán bộ nghiệp vụ”, *Hồ sơ 537*, Phòng Cục Lưu trữ Nhà nước (1962-1982), Trung tâm Lưu trữ quốc gia III, tờ số 31-35.
5. Cục Lưu trữ Nhà nước (1984), “Báo cáo số 155 - BC ngày 04/9/1984 của Cục Lưu trữ Nhà nước về Hội nghị lưu trữ các nước XHCN họp tại Thành phố Hồ Chí Minh tháng 6/1984”, *Hồ sơ 273*, Phòng Cục Văn thư và Lưu trữ Nhà nước (1984-2003), Trung tâm Lưu trữ quốc gia III, tờ số 48-53.
6. Đảng Cộng sản Việt Nam (1982), “Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, tại Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ V”, *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 43, Nxb. Chính trị quốc gia, 2005, tr. 38-172.
7. Vũ Dương Hoan (1972), “Báo cáo kết quả khảo sát công tác văn thư và công tác lưu trữ của Liên Xô và Cộng hòa dân chủ Đức”, *Công tác lưu trữ hồ sơ*, 2, tr. 4-7.
8. Vũ Dương Hoan (1987), “25 năm xây dựng và phát triển của ngành Lưu trữ Việt Nam”, *Văn thư Lưu trữ số đặc biệt kỷ niệm 25 năm thành lập Cục Lưu trữ Nhà nước*, tr. 1-7, 26.

(xem tiếp trang 51)

Tài liệu tham khảo

1. Lê Văn Bé (2006), “Nhà ở của người Pa Dí”, Tạp chí *Dân tộc học*, số 4, tr. 8-14.
2. Nguyễn Đăng Duy (2004), *Nhận diện văn hóa các dân tộc thiểu số Việt Nam*, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
3. Phạm Quang Hoan (2013), *Một số vấn đề cơ bản trong phát triển bền vững các tỉnh biên giới Việt Nam giai đoạn 2011-2020*, Báo cáo tổng hợp đề tài cấp Bộ, Thư viện Viện Dân tộc học.
4. Nguyễn Văn Minh (chủ biên, 2017), *Một số vấn đề về dân tộc, tộc người ở vùng biên giới và liên xuyên biên giới nước ta hiện nay*, Kỷ yếu Hội nghị khoa học quốc gia năm 2017, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
5. Vi Hồng Nhân (2004), *Văn hóa các dân tộc thiểu số - từ một góc nhìn*, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
6. Lê Ngọc Quyền (1993), “Một vài đặc điểm về nhà cửa của người Hmông”, Tạp chí *Dân tộc học*, số 2, tr. 41-45.
7. Nguyễn Ngọc Thanh (chủ biên, 2018a), *Đặc trưng văn hóa vùng Đông Bắc*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
8. Nguyễn Ngọc Thanh (chủ biên, 2018b), *Đặc trưng văn hóa vùng Tây Bắc*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
9. Vương Xuân Tình, Trần Hồng Hạnh (đồng chủ biên, 2012), *Phát triển bền vững văn hóa tộc người trong quá trình hội nhập ở vùng Đông Bắc*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
10. Vương Xuân Tình (2014), *Văn hóa với phát triển bền vững ở vùng biên giới Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
11. Vương Xuân Tình (chủ biên, 2016), *Các dân tộc ở Việt Nam, tập 2, nhóm ngôn ngữ Tày - Thái Kadai*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
12. Vương Xuân Tình (chủ biên, 2018), *Các dân tộc ở Việt Nam, tập 4, quyển 1, Nhóm ngôn ngữ Hmông - Dao và Tạng - Miến*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.

(tiếp theo trang 59)

9. Vũ Dương Hoan (2001), “Nhớ lại cuộc tham quan học tập công tác lưu trữ ở Trung Quốc”, *Tạp chí Văn thư lưu trữ Việt Nam*, số 5, tr. 140-145.
10. Phủ Thủ tướng (1966), “Công văn số 936 - Vg ngày 07/5/1966 của Phủ Thủ tướng về việc phân phối 6 sinh viên tốt nghiệp ngành Lưu trữ về Ủy ban kế hoạch Nhà nước, Bộ Văn hóa và Cục Lưu trữ”, *Hồ sơ 1665*, Mục lục I, Phòng Phủ Thủ tướng, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia III, tờ số 69.
11. Vương Quyền (1982), “Nhìn lại chặng đường 20 năm qua của Lưu trữ học Việt Nam”, *Văn thư lưu trữ*, số 4, tr. 13-17, 24.
12. Đào An Thái (1982), “20 năm xây dựng công tác lưu trữ của nước Cộng hòa XHCN Việt Nam”, *Văn thư Lưu trữ số đặc biệt kỷ niệm 20 năm xây dựng công tác lưu trữ*, tr. 1-4.